

Số: 44 /KL-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 02 năm 2020

**KẾT LUẬN THANH TRA****Việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha**

Thực hiện Quyết định số 380/QĐ-SNNPTNT ngày 28/10/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha.

Xét nội dung Báo cáo số 03/BC-ĐTTr ngày 20/01/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận,

**A. KHÁI QUÁT CHUNG****1. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy:**

Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha (gọi tắt là Ban quản lý) được thành lập tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý thực hiện theo Quyết định số 479/QĐ-SNNPTNT ngày 19/11/2010 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận.

Tổng diện tích tự nhiên của đơn vị quản lý là 12.627,5 ha, thuộc 15 tiểu khu, gồm: tiểu khu 44, 52, 56, 62, 63, 65, 73, 74, 78, 81a thuộc xã Lâm Sơn, tiểu khu 81b thuộc xã Lương Sơn và tiểu khu 85, 86a, 86b, 91 thuộc xã Quảng Sơn. Ban Quản lý rừng phòng hộ Krôngpha là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, được giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Ban quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ rừng và đất rừng, trồng và chăm sóc rừng phòng hộ được giao; thực hiện các dự án của Nhà nước đầu tư phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn huyện Ninh Sơn; thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng theo chỉ tiêu kế hoạch và nguồn vốn phân bổ hàng năm; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu sự quản lý nhà nước trên địa bàn của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

Ban quản lý có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động giao dịch theo quy định của pháp luật. Trụ sở Ban quản lý đặt tại xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn.

Tổng số biên chế được giao 20 người, hiện có 18 người, trong đó (Lãnh đạo: 01 Trưởng ban. 03 phòng nghiệp vụ (Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp: 04 người; Phòng Kỹ thuật: 01 người; Phòng Quản lý bảo vệ rừng: 01 người), 02 Trạm

bảo vệ rừng: Trạm bảo vệ rừng Eo gió 04 người, Trạm bảo vệ rừng Tầm Ngân 04 người; 03 chốt bảo vệ rừng gồm: Cà Tọt, Hàm Ba và Vườn Trầu có 03 viên chức và 15 lao động hợp đồng.

## 2. Về kinh phí thực hiện:

Trong ba năm (2016-2018), Ban quản lý được cấp sử dụng các nguồn kinh phí như sau:

a) Kinh phí sự nghiệp: Tổng số **7.895.746.768 đồng**, trong đó: năm 2016: 1.913.394.021 đồng; năm 2017: 2.915.817.272 đồng và năm 2018: 3.066.535.475 đồng.

b) Kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững: Tổng số: **679.722.000 đồng**, trong đó: năm 2016: 614.324.000 đồng; năm 2017: 51.398.000 đồng và năm 2018: 60.000.000 đồng.

c) Kinh phí Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2): Tổng số: **15.105.429.886 đồng**, trong đó: năm 2016: 7.981.536.905 đồng; năm 2017: 4.938.828.422 đồng và năm 2018: 2.185.064.559 đồng.

d) Nguồn thu Dịch vụ môi trường rừng: Tổng số: **7.901.064.320 đồng**, trong đó: năm 2016: 2.001.595.891 đồng; năm 2017: 2.091.226.648 đồng (*không bao gồm số tồn năm 2013, 2014, 2015: 817.288.764 đồng*) và năm 2018: 3.808.241.781 đồng.

Ban quản lý thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2016/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thực hiện chế độ quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng theo Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 14/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính, Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính.

Thực hiện chế độ quản lý tài chính vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2) theo Thông tư số 118/2013/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ Tài chính.

Thực hiện chế độ quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính, Thông tư số 04/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

**I. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý đất lâm nghiệp, truy quét chống phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:**

### **1. Công tác quản lý đất lâm nghiệp:**

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2016-2025, diện tích đất đơn vị quản lý là 12.627,5 ha. Trong đó: diện tích đất có rừng là 8.839,36 ha và đất chưa có rừng là 3.788,14 ha; diện tích quy hoạch đưa ra ngoài lâm nghiệp giao cho địa phương quản lý: 152,11 ha; cho mục đích phi nông nghiệp để thực hiện các dự án: 30,95 ha. Đơn vị đã xây dựng phương án quản lý bảo vệ rừng trung hạn theo giai đoạn và hàng năm xây dựng phương án bảo vệ và phát triển rừng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kiên toàn lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, tăng cường bảo vệ ở các khu vực trọng điểm; vận dụng tốt cơ chế chính sách tới người dân tham gia trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng với mục tiêu là tạo thêm việc làm cho người dân sống gần rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo tăng thu nhập, ổn định đời sống cho nhân dân từ việc tham gia các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng.

Đơn vị chủ động phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Ninh Sơn; Hạt kiểm lâm huyện Đơn Dương, Công ty TNHH MTV Đơn Dương và Ban Quản lý rừng phòng hộ D'Ran (Lâm Đồng) ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng vùng giáp ranh, phối hợp với các lực lượng bảo vệ rừng (Công an huyện Ninh Sơn, Phòng PK 20 - Công an tỉnh và các nhóm cộng đồng bảo vệ rừng), giữa đơn vị chủ rừng với UBND các xã trên địa bàn; các vụ việc vi phạm lâm luật được phát hiện, đều có sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng để giải quyết.

### **2. Công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng, PCCCR:**

Trong 03 năm, đã tổ chức họp dân tuyên truyền: 26 đợt/2.953 lượt người tham gia, phối hợp xã Lâm Sơn tổ chức tuyên truyền lưu động 12 đợt, tổ chức ký cam kết không vi phạm các quy định về QL-BVR, PCCCR: 457 hộ.

Tổ chức trực PCCCR tại 03 điểm trực theo cấp dự báo cháy rừng, năm 2016 đến năm 2018 trên lâm phần quản lý đã xảy ra 6 điểm cháy diện tích 1,46 ha với 109 lượt người tham gia chữa cháy, hiện trạng là rừng non rụng lá phục hồi (RLP).

Thực hiện phương án chống phá rừng hàng năm đã được phê duyệt, đơn vị đã phối hợp với Hạt Kiểm lâm Ninh Sơn, Công an xã Lâm Sơn, Lực lượng nhận khoán BVR, Ban QL RPH D'Ran và Công ty Lâm nghiệp Đơn Dương (Lâm Đồng) tuần tra, kiểm tra, truy quét trên lâm phần và vùng giáp ranh, gồm 1.783 đợt tuần tra, kiểm tra/3.826 lượt người; 218 đợt truy quét/ 2.888 lượt người, đã phát hiện xử lý các vụ việc: Phá rừng làm rẫy: 11.142m<sup>2</sup>/11 vụ (có đối tượng 5.879 m<sup>2</sup>/03 vụ; chưa có đối tượng 5.263 m<sup>2</sup>/08) vụ; tịch thu lâm sản: 35,984m<sup>3</sup>/14 vụ (có đối tượng: 0,935 m<sup>3</sup>/03 vụ, chưa có đối tượng: 35,049 m<sup>3</sup>/11 vụ), 660 kg than hầm.

Thu giữ phương tiện tang vật gồm 02 máy cưa và 09 xe máy. Lập hồ sơ báo cáo Hạt kiểm lâm Ninh Sơn xử lý: 31 vụ (19 vụ khai thác rừng, 01 vụ phá rừng làm rẫy trái pháp luật, 03 vụ than hầm, 02 vụ máy cưa và 06 vụ cháy rừng).

**\* Nhận xét:**

- Về công tác tuần tra truy quét chống phá rừng: Có xây dựng kế hoạch tuần tra theo từng đợt, kèm danh sách thành phần tham gia cụ thể và có lệnh truy quét của Trưởng ban (thời gian mỗi đợt tối thiểu là 02 ngày 01 đêm); mỗi đợt truy quét đều có biên bản kiểm tra, sau mỗi đợt truy quét, chỉ huy (trưởng đoàn) đều có báo cáo kết quả cho Trưởng ban.

Công tác tuần tra truy quét và thanh toán chi phí (tiền công đi rừng, nhiên liệu) đều thực hiện đầy đủ, đúng quy định theo phương án được phê duyệt. Tuy nhiên, việc thanh toán hỗ trợ tiền công truy quét còn chậm, có những vụ tổ chức truy quét từ tháng 6 đến tháng 11 mới thanh toán.

- Về công tác tuyên truyền: Có xây dựng dự trù kinh phí cho mỗi đợt tuyên truyền; Biên bản họp dân thể hiện địa điểm, nội dung tuyên truyền; Giấy đề nghị thanh toán kèm theo danh sách nhận tiền bồi dưỡng, nước uống đầy đủ. Tuy nhiên việc thanh toán còn chậm, tổ chức họp dân đầu năm, đến tháng 11 mới thanh toán.

- Về công tác trực tại các Trạm QLBR và chốt BR: kiểm tra tại các Trạm QLBR Tâm Ngân, Trạm QLBR Eo Gió, Chốt BR Cà Tọt... đều có xây dựng kế hoạch tuần tra TQCPR-PCCC, bảng phân công trực, sổ nhật ký theo dõi công tác QLBR (sổ ghi tình hình, kết quả công tác QLBR) đầy đủ; tổ chức phân công trực theo đúng quy định từng cấp dự báo cháy rừng và thanh toán tiền công trực theo đúng quy định.

- Bảng cấm tuyên truyền về QLBR: Tổ chức kiểm tra 15 bảng cấm tuyên truyền về QLBR dọc theo tuyến đường đèo Ngoạn Mục, vùng giáp ranh Cà Tọt... Qua kiểm tra, phần lớn các bảng cấm vẫn còn nguyên vẹn, màu sơn, chữ viết còn rõ ràng. Tuy nhiên, có một số bảng đã bị cỏ mọc che khuất; một số bảng bị nghiêng, siêu vẹo, rách, lủng do bị các đối tượng xấu phá hoại. Bảng được thiết kế và cấm từ năm 2017, nên nội dung không còn phù hợp với các văn bản quy định hiện nay, như: Luật Lâm nghiệp thay thế Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 157/2013/NĐ-CP.

- Kiểm tra hiện trường một số vụ xử phạt VPHC: tại một số hiện trường phá rừng, lấn chiếm đất rừng để canh tác đã xử phạt vi phạm hành chính:

+ Kiểm tra việc khắc phục hậu quả (trồng lại rừng) đối với vụ Nguyễn Minh Hùng phá rừng và đẽo gốc cây (ken cây) 3.434 m<sup>2</sup> thuộc khoảnh 11, 12, Tiểu khu 62 theo Quyết định xử phạt VPHC số 23/QĐ-XPVPHC ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn; vụ việc này đã được Chủ tịch UBND tỉnh xét miễn giảm tiền phạt, nhưng phải khắc phục hậu quả là trồng lại rừng trên diện tích rừng bị phá. Qua kiểm tra trên toàn bộ diện tích bị phá 3.434 m<sup>2</sup> chưa thực hiện trồng lại

rừng để khắc phục hậu quả; nhưng thực tế hiện nay, toàn bộ diện tích 3.434 m<sup>2</sup> rừng đã tái sinh tự nhiên rất tốt, cây, cỏ đã mọc dày và phủ kín.

+ Kiểm tra việc lấn, chiếm đất rừng để canh tác nương rẫy, trồng cây ăn quả mà Ban đã tổ chức kiểm tra, phá bỏ hoa màu: Cụ thể tại tọa độ X: 0543909 – Y: 1315387 thuộc khoảnh 2,4 Tiểu khu 56, diện tích lấn, chiếm là 14.000 m<sup>2</sup> để trồng cây ăn quả. Ban quản lý đã tổ chức kiểm tra, lập Biên bản số 30b/BBKT từ ngày 17/02/2017 và tiếp tục kiểm tra, nhổ bỏ cây chuối, cà phê trồng trên diện tích này nhiều lần vào các ngày 05/6/2017, 03/10/2017, 25/01/2018. Trên cùng một diện tích, tổ chức kiểm tra và nhổ bỏ hoa màu nhiều lần, nhưng vẫn không xác định được đối tượng vi phạm để xử lý.

## II. Việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng nguồn kinh phí chương trình, dự án

### 1. Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững

Giai đoạn 2016-2018 Ban quản lý đã thực hiện khoán nuôi, tái sinh rừng chuyên tiếp với diện tích 978,13 ha giao khoán cho Phòng PX13 và PA 92 thuộc Công an tỉnh Ninh Thuận, trồng rừng hỗ trợ sản xuất 10,4 ha, trồng cây phân tán 10.000 cây, hoàn thành chăm sóc năm 02 mô hình thực nghiệm cây Mắc-ca và hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng rừng điều 3ha. Thanh toán trong năm 2016 đối với một số công trình chuyên tiếp năm 2015, bao gồm: trồng rừng hỗ trợ sản xuất (keo lai) 27,5 ha; trồng thực nghiệm 01 ha cây Mắc-ca 01 ha; chăm sóc rừng trồng thay thế nương rẫy (cây mít): 14,98 ha; xây dựng dự án bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng công tường rào Trạm bảo vệ rừng Eo Gió.

Tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện như sau:

(Đơn vị: đồng)

Số TT	Năm thực hiện	Kinh phí cấp	Đã sử dụng	Còn thừa
1	Năm 2016	614.324.000	516.314.659	98.009.341
2	Năm 2017	5.398.000	4.923.500	474.500
3	Năm 2018	60.000.000	59.936.200	63.800
	<b>Tổng cộng</b>	<b>679.722.000</b>	<b>581.174.359</b>	<b>98.547.641</b>

#### \* Nhận xét:

- Ban quản lý đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch trồng rừng, chăm sóc rừng trồng đúng theo dự toán, hồ sơ thiết kế được Chi cục Kiểm lâm thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Diện tích nghiệm thu hoàn công trồng rừng hỗ trợ sản xuất năm 2016 chỉ đạt 41,6%, diện tích nghiệm thu 16,4 ha/ diện tích thiết kế 25 ha, nguyên nhân chính do quá trình khảo sát không phù hợp và tình hình nắng hạn kéo dài nên một số diện tích đã trồng bị chết không đạt tỷ lệ nghiệm thu.

Qua kiểm tra thực tế rừng trồng hỗ trợ sản xuất tại lô 7, tiểu khu 65: diện tích trồng 01 ha, loài cây: keo lai, mật độ trồng: 2.667 cây/ha, tỷ lệ cây sống 87%, cây phát triển tốt; tại lô 9, tiểu khu 62: diện tích trồng 4,6 ha, loài cây: keo lai, mật độ trồng: 2.667 cây/ha, tỷ lệ cây sống bình quân 89%, cây phát triển tốt.

- Ban quản lý tiếp tục hợp đồng giao khoán bảo vệ diện tích 978,13 ha (chuyên tiếp năm 2015) đối với đơn vị giữ rừng (PX 13, PA 92) theo quy định, hàng quý, cuối năm có tiến hành nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với đơn vị nhận khoán.

Tuy nhiên, hồ sơ nghiệm thu không có xác nhận của cán bộ kiểm lâm địa bàn theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, điều 3 phần II Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14/6/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

## 2. Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2)

Ban quản lý là nhà thầu thực hiện các hợp đồng trồng rừng, chăm sóc rừng với Ban quản lý Dự án Jica2 tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ hồ sơ thiết kế, nghiệm thu hoàn công diện tích trồng rừng Jica2 thuộc kế hoạch 2016-2018, Ban quản lý đã thực hiện đạt kết quả như sau:

- Trồng mới 2016-2018: 378,91 ha/442,7 ha đạt 86% Kế hoạch.

+ Năm 2016 trồng: 285,26 ha (Điều 241,8 ha, Thông 43,46 ha)/329 ha KH

+ Năm 2017 trồng: 93,65 ha (Điều 84,4 ha, Thông 9,25 ha)/113,7 ha KH

Qua kiểm tra thực địa cho thấy đơn vị đã thực hiện trồng rừng đúng diện tích, đúng vị trí, loài cây theo thiết kế và thanh toán đầy đủ cho các hộ dân, cây sinh trưởng, phát triển bình thường.

- Chăm sóc rừng trồng 2014-2015 thuộc kế hoạch 2016-2018: 472,56 ha, trong đó:

+ Diện tích rừng trồng 2014: 119,52 ha Điều

+ Diện tích rừng trồng 2015: 353,04 ha (Điều 254,06 ha, Thông 98,98 ha)

Kiểm tra diện tích chăm sóc, chất lượng cây sống đang trong thời kỳ sinh trưởng, phát triển bình thường.

Tổng hợp giá trị khối lượng hoàn thành và thanh toán công tác trồng rừng và chăm sóc rừng trồng Jica2 qua các năm:

(ĐVT: đồng)

STT	Năm thực hiện	Diện tích (ha)	Giá trị công trình	Đã thanh toán	Ghi chú
	Năm 2016		7.981.536.905	6.544.051.533	

1	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	285,26 ha	5.912.342.591	5.165.493.517	
2	Chăm sóc rừng năm 2	353,04 ha	1.831.006.615	1.183.911.177	
3	Chăm sóc rừng năm 3	119,52 ha	238.187.699	63.428.364	
4	Chi phí chung 5% và LN trước thuế			131.218.475	
	<b>Năm 2017</b>		<b>4.938.828.422</b>	<b>3.060.305.507</b>	
1	Trồng rừng và chăm sóc năm 1	93,65 ha	2.461.146.263	1.809.219.106	
2	Chăm sóc rừng năm 2	285,26 ha	1.493.562.806	1.057.156.355	
3	Chăm sóc rừng năm 3	353,04 ha	764.253.784	31.201.698	
4	Chăm sóc rừng năm 4	119,52 ha	219.865.569	0	
5	Chi phí chung 5% và LN trước thuế			162.728.348	
	<b>Năm 2018</b>		<b>2.185.064.559</b>	<b>111.408.593</b>	
1	Chăm sóc rừng năm 2	93,65 ha	1.493.562.806	0	
2	Chăm sóc rừng năm 3	285,26 ha	764.253.784	0	
3	Chăm sóc rừng năm 4	353,04 ha	219.865.569		
4	Chi phí chung 5% và LN trước thuế			<b>111.408.593</b>	

**\* Nhận xét:** Kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn trồng và chăm sóc rừng của Dự án Jica2 kế toán mở sổ theo dõi, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thanh toán theo chế độ, định mức, hạng mục của dự toán. Qua kiểm tra thực địa cho thấy đơn vị đã thực hiện trồng rừng đúng diện tích, vị trí, loài cây, mật độ theo thiết kế và thanh toán đầy đủ cho các hộ dân; cây sinh trưởng, phát triển bình thường.

Bên cạnh kết quả đạt được còn một số tồn tại hạn chế như diện tích trồng rừng chỉ đạt 86% kế hoạch có giảm so với hợp đồng là 63,79 ha (Hợp đồng 442,7 ha-Thực hiện 378,91 ha). Lý do thiết kế trồng rừng trải dài trên toàn lâm phần, quá trình triển khai gặp thời tiết bất lợi nên công tác trồng rừng trong những năm qua còn gặp nhiều khó khăn, khi nghiệm thu không đảm bảo mật độ theo thiết kế của chủ đầu tư nên bị giảm diện tích.

Ban quản lý ký kết hợp đồng với các hộ dân cả chu kỳ trồng và chăm sóc rừng theo phương án được duyệt. Hiện nay, diện tích rừng trồng năm 2016, 2017 vẫn đang trong giai đoạn đầu tư đã tạm ứng cho các hộ dân để thực hiện các công đoạn trồng, chăm sóc rừng; sau khi có kết quả nghiệm thu thành rừng (sau 04 năm) Ban quản lý mới tiến hành thanh lý, thu hồi tạm ứng và thanh toán phần còn lại.

### III. Việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Trong 03 năm (2016, 2017, 2018) từ nguồn thu của các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong tỉnh, gồm 03 đơn vị sản xuất thủy điện (Cty CPTĐ Sông Ông, Cty CPTĐ Hạ Sông Pha, Cty CPTĐ Quảng Sơn); 03 đơn vị cung cấp nước sạch (Cty CP cấp nước Ninh Thuận, XNCN Đông Mỹ Hải, Trung tâm NS và VSMTNT Ninh Thuận), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận đã phê duyệt: **8.429.913.817 đồng**, đã chuyển thanh toán số tiền: **7.901.064.320 đồng**. Ban quản lý đã sử dụng nguồn kinh phí này để chi phí cho công tác quản lý bảo vệ rừng (90%) hợp đồng với các cộng đồng và đơn vị lực lượng vũ trang với diện tích rừng 4.358 ha gồm cộng đồng thôn Lâm Hòa, Lâm Bình, Lập Lá, Tâm Ngân 1, Tâm Ngân 2 thuộc xã Lâm Sơn; thôn Gòn 1, Gòn 2 thuộc xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn; 02 đơn vị Công an huyện Ninh Sơn, PK 20 Công an tỉnh Ninh Thuận và hợp đồng nhân viên bảo vệ rừng; Chi phí quản lý (10%) cho công tác kiểm tra, tuần tra, truy quét quản lý, bảo vệ rừng, mua sắm công cụ, dụng cụ hỗ trợ, trang thiết bị, văn phòng phẩm...

Tổng hợp kinh phí cấp và sử dụng như sau:

(ĐVT: đồng)

Số TT	Năm thực hiện	Kinh phí được duyệt	Kinh phí được cấp	Kinh phí đã sử dụng
1	Năm 2016	2.071.479.318	2.001.595.891	1.543.147.521
2	Năm 2017	2.092.966.815	2.091.226.648	2.112.270.161
3	Năm 2018	4.265.467.684	3.808.241.781	746.916.200
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.429.913.817</b>	<b>7.901.064.320</b>	<b>4.402.333.882</b>

\* **Nhận xét:** Qua kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng, kế toán đơn vị chi đúng mục đích và hạng mục dự toán, công tác bảo vệ rừng được nâng cao trách nhiệm.

Tuy nhiên, khu vực giao khoán bảo vệ rừng của PK 20 - Công an tỉnh còn xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trong lâm phần quản lý. Do đó, Ban quản lý chưa thanh toán tiền công khoán bảo vệ rừng năm 2018 cho PK20-Công an tỉnh do đang xử lý việc phá rừng tại TK 73, hiện đã chi ứng trước tiền công bảo vệ, số tiền 130.000.000 đồng.

Qua kiểm tra hồ sơ nghiệm thu kết quả giao khoán bảo vệ rừng để làm căn cứ thanh toán với cộng đồng và tổ chức nhận khoán, không có xác nhận của cán bộ



kiểm lâm địa bàn theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, điều 3 phần II Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14/6/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

#### IV. Việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp:

Tổng số kinh phí được cấp: **7.895.746.768 đồng**, trong đó: năm 2016: 1.913.394.021 đồng; năm 2017: 2.915.817.272 đồng và năm 2018: 3.066.535.475 đồng. Đã sử dụng: 7.449.929.405, còn thừa 445.817.363 đồng (chuyển năm sau: 129.354.229 đồng, kinh phí hủy tại KB: 316.463.134 đồng).

Việc quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp (chi thường xuyên và đặc thù) được thực hiện theo dự toán phê duyệt; chứng từ, sổ sách kế toán thể hiện nội dung rõ ràng, phản ánh đầy đủ, chi theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Đối với kinh phí phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng được cấp theo phương án được duyệt trong 03 năm là **634.880.000 đồng** (năm 2016: 200.490.000 đồng; năm 2017: 229.490.000 đồng và năm 2018: 204.900.000 đồng). Tổng số đã chi: **598.913.176 đồng** (năm 2016: 200.091.576 đồng, năm 2017: 194.843.600 đồng và năm 2018: 203.978.000 đồng). Trong đó gồm hỗ trợ cho chốt bảo vệ rừng Cà Tọt: 110.000.000 đồng (năm 2016: 50.000.000 đồng, năm 2017: 30.000.000 đồng và năm 2018: 30.000.000 đồng). Ban quản lý thực hiện chi theo Đề án thành lập chốt Cà Tọt được phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với kinh phí sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha: Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tạm ứng và bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2017 với kinh phí được cấp là 1.000.000.000 đồng (từ nguồn sử dụng tiền bán gỗ tận thu giải phóng mặt bằng để sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Ban quản lý rừng Krôngpha); Căn cứ Quyết định 748/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án cải tạo, sửa chữa nhà làm việc gồm 6 gói thầu, giá trị 1.157.650.894 đồng (Trong đó 02 gói thầu Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và gói thầu quản lý dự án là phần công việc đã thực hiện, với giá trị 67.797.278 đồng). Ban quản lý rừng đã chỉ định thầu và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn quản lý dự án là Chi nhánh Công ty CPTVDV và XD Sao Mai Arch, đơn vị thi công là Công ty TNHH xây dựng Liên Hoa; gói thầu tư vấn giám sát thi công, tư vấn khảo sát, lập BCKTKT, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu đơn vị thực hiện là công ty CPTVDV và XD Sao mai Arch; Công ty TNHH tư vấn xây dựng CIC thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu sửa chữa, cải tạo nhà làm việc. Ngày 20/11/2018 công trình được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng, đã quyết toán với giá trị là **1.231.141.675 đồng**.

Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ công trình còn thiếu nội dung đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu trên hệ

thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là chưa thực hiện quy định tại Điểm a, Điểm đ, Khoản 1, Điều 8 Luật Đấu thầu.

## C. KẾT LUẬN

### I. Ưu điểm:

Ban quản lý chủ động xây dựng kế hoạch, phương án phòng cháy chữa cháy rừng, truy quét chống phá rừng trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai đúng quy định; thường xuyên phối hợp kiểm lâm, các xã và các đơn vị vùng giáp ranh trong công tác tuần tra, truy quét, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm lâm luật.

Công tác phát triển rừng được chú trọng, Ban quản lý đã triển khai thực hiện các hạng mục lâm sinh thuộc Chương trình bảo vệ và phát triển rừng, Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2), kết quả thực hiện đã góp phần nâng cao độ che phủ và tạo điều kiện phát triển sinh kế cho các hộ dân tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng trên địa bàn.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách, hợp đồng nhà thầu, tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng cơ chế tài chính; thực hiện chi đúng chế độ, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đã xây dựng; chấp hành việc mở sổ sách, biểu mẫu báo cáo tài chính đúng theo quy định hiện hành.

### II. Tồn tại, hạn chế:

1. **Việc thực hiện nhiệm vụ QL-BVR:** Tình trạng xâm phạm rừng trái phép còn diễn ra ở một số nơi, điển hình vụ khai thác gỗ tại tiểu khu 73, lấn chiếm đất rừng dọc đèo Ngoạn Mục và vùng giáp ranh Cà Tọt. Ban quản lý đã kiểm điểm, xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo 02 viên chức, khiển trách 02 viên chức; Sở Nông nghiệp và PTNT đã kỷ luật cảnh cáo 02 lãnh đạo đơn vị.

2. **Công tác bảo vệ rừng khoán quản:** Đối với đơn vị PK 20 - Công an tỉnh chưa thực hiện tốt, vi phạm hợp đồng giao khoán, diện tích bị phá 2.954 m<sup>2</sup>, có 37 gốc cây bị chặt có đường kính từ 10cm trở lên. Hồ sơ nghiệm thu khoán bảo vệ rừng không có xác nhận của cán bộ kiểm lâm địa bàn theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, điều 3 phần II Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14/6/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

3. **Công tác trồng rừng:** Rừng trồng hỗ trợ sản xuất năm 2016 giảm 8,6 ha (thực hiện 16,4 ha/ thiết kế 25 ha); trồng rừng Dự án Jica2 giảm 63,79 ha (thực hiện 378,91 ha/ hợp đồng 442,7 ha), không đạt chỉ tiêu kế hoạch.

4. **Hồ sơ công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc:** Thiếu nội dung đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu là chưa thực hiện quy định tại Điểm a, Điểm đ, Khoản 1, Điều 8 của Luật Đấu thầu.

### III. Nguyên nhân và trách nhiệm:

#### 1. Về nguyên nhân:

*- Nguyên nhân khách quan:*

Do địa bàn quản lý tập trung vùng giáp ranh tỉnh Lâm Đồng, địa hình chia cắt phức tạp, đi lại khó khăn; nắng hạn kéo dài dẫn đến cháy rừng, một số rừng mới trồng bị chết; diện tích đất của dân sản xuất xen kẽ trong lâm phần quản lý nhưng chưa rà soát, phân tách trên thực địa nên gặp khó khăn khi điều tra, xác minh các vụ việc vi phạm.

Việc sử dụng gỗ rừng tự nhiên để làm nguyên liệu chế biến đũa, sản xuất mộc dân dụng còn tồn tại gây nhiều áp lực cho công tác quản lý rừng; có khi làm phát sinh xung đột giữa công tác bảo vệ tài nguyên rừng với phát triển chế biến sản phẩm, giải quyết việc làm của nhân dân địa phương.

*- Nguyên nhân chủ quan:*

Công tác chỉ đạo quản lý có lúc chưa sâu sát, một số viên chức, nhân viên bảo vệ rừng thiếu trách nhiệm; đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng chưa thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

Việc khảo sát, thiết kế trồng rừng chưa đánh giá, dự báo đầy đủ các yếu tố tự nhiên về thổ nhưỡng, khí hậu..., về thực lực người tham gia trồng rừng nên diện tích thực hiện không đạt chỉ tiêu đề ra.

## **2. Về trách nhiệm:**

Những tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của lãnh đạo Ban quản lý và các viên chức, nhân viên được giao nhiệm vụ.

## **D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **I. Đối với Ban Quản lý rừng phòng hộ Krôngpha**

#### **1. Công tác quản lý bảo vệ rừng:**

Tiến hành rà soát tình hình, củng cố và tăng cường trách nhiệm bảo vệ rừng của tất cả các lực lượng tham gia giữ rừng, nhất là các tổ chức, cộng đồng nhận khoán.

Việc lập hồ sơ nghiệm thu bảo vệ rừng phải tuân thủ theo quy định, phản ánh đầy đủ, trung thực kết quả giao khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký kết; biên bản nghiệm thu phải có xác nhận của công chức kiểm lâm địa bàn.

Đối với đơn vị nhận khoán nhưng để xảy ra vi phạm trong diện tích giao khoán, Ban quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả theo hợp đồng đã ký kết; báo cáo đề xuất xử lý đúng quy định, đồng thời thu hồi số tiền đơn vị nhận khoán đã tạm ứng.

Đối với những diện tích đất rừng bị lấn, chiếm để canh tác nương rẫy, trồng cây ăn quả bị tái chiếm nhiều lần, qua nhiều đợt kiểm tra nhưng vẫn còn tái phạm, Ban quản lý phải tổng hợp báo cáo kịp thời cơ quan chức năng để phối hợp điều tra, xác minh đối tượng, xử lý theo quy định.

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án chốt bảo vệ rừng Cà Tọt, trên cơ sở đó đề xuất cấp thẩm quyền cho chủ trương tiếp tục duy trì Chốt bảo vệ rừng Cà Tọt để bảo vệ, ngăn chặn tình trạng phá rừng tại khu vực trọng điểm này.

#### **2. Công tác trồng rừng:**

Tiếp tục đầu tư, tập trung chăm sóc bảo vệ diện tích rừng đã trồng để đạt tỷ lệ thành rừng theo quy định.

Khi tiến hành khảo sát thiết kế trồng rừng mới phải có đảm bảo tính khả thi, thực hiện đúng các công đoạn của quy trình thiết kế trồng rừng.

### 3. Việc quản lý sử dụng kinh phí:

Thanh toán kinh phí cho công tác tuần tra truy quét, phòng cháy chữa cháy rừng phải kịp thời, đảm bảo đúng chế độ, định mức, dự toán được duyệt.

Tiến hành thanh toán kinh phí trồng rừng (Dự án Jica2) theo chu kỳ đầu tư hàng năm, không để số dư tạm ứng quá lớn.

Việc mua sắm, trang thiết bị làm việc, văn phòng phẩm phải thực hiện đúng kế hoạch và nhu cầu thực tế, đảm bảo quy trình mua sắm công, tránh lãng phí.

4. Ban quản lý rừng phòng hộ Krôngpha nghiêm túc rút kinh nghiệm, kịp thời khắc phục những hạn chế, tồn tại đã nêu qua kết quả thanh tra.

II. Đối với Chi cục Kiểm lâm: Phối hợp với chủ rừng tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Đề án chốt bảo vệ rừng Cà Tọt, trên cơ sở đó tham mưu Sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương tiếp tục duy trì hoạt động của Chốt bảo vệ rừng Cà Tọt để đảm bảo cho công tác quản lý, bảo vệ rừng ở vùng giáp ranh.

III. Thanh tra Sở: Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận thanh tra; kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục các thiếu sót, hạn chế đã được kết luận trên.

Đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc kết luận này./.

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- BQL rừng PH Krôngpha (thực hiện);
- Thanh tra sở: KH-TC; TCCB;
- Lưu: VT, HSĐTTr.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương